

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Y học; Chuyên ngành: Ký sinh trùng Y học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **Đỗ Ngọc Ánh**

2. Ngày tháng năm sinh: 13 tháng 6 năm 1982; ☒ Nam; ☐ Nữ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Căn hộ 2509, chung cư CT9 (Victoria), khu đô thị mới Văn Phú, P. Phú La, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ký sinh trùng và Côn trùng, Học viện Quân y, Số 160 đường Phùng Hưng, P. Phúc La, Hà Đông, Hà Nội.

Điện thoại di động: 0989.255.773/ 0916.448.223; E-mail: dranhk61@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm 2007 đến năm 2008: Bác sỹ đi thực tế tại Sư đoàn B16, Quân khu 2.

- Từ năm 2008 đến năm 2010: Bác sỹ, trợ giảng, Bộ môn Ký sinh trùng và Côn trùng, Học viện Quân y.

- Từ năm 2010 đến năm 2012: Bác sỹ, học viện Hệ sau đại học, Học viện Quân y.

- Từ tháng 11 năm 2012 đến nay: Bác sỹ, giảng viên, Bộ môn Ký sinh trùng và Côn trùng, Học viện Quân y, Học viện Quân y.

- Chức vụ: Hiện nay: cán bộ, giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: giảng viên

- Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Ký sinh trùng và Côn trùng, Học viện Quân y, Số 160 đường Phùng Hưng, P. Phúc La, Hà Đông, Hà Nội.

- Địa chỉ cơ quan: Số 160, đường Phùng Hưng, P. Phúc La, Hà Đông, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 069.566.356

- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng: Chưa

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 01/8/2007, ngành: Y, chuyên ngành: BS Đa khoa;

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Học viện Quân y, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 20/11/2013, ngành: Y học, chuyên ngành: Ký sinh trùng

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Học viện Quân y, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 23/10/2017, ngành: Y học, chuyên ngành: Ký sinh trùng

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Viện SR – KST – CT Trung ương, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Học viện Quân y

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ, thành phần loài, tình trạng kháng thuốc của vi nấm gây bệnh ở người tại Việt Nam.

- Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học, dịch tễ học phân tử các bệnh do giun, sán ký sinh ở người tại Việt Nam.

- Nghiên cứu ứng dụng sinh học phân tử trong chẩn đoán, phân tích đặc điểm di truyền, phân tử của vi khuẩn, vi nấm và ký sinh trùng tại Việt Nam.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 03 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 03 cấp cơ sở, cấp bộ;

- Đã công bố 81 bài báo KH, trong đó 17 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng): 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản: 02, trong đó 02 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

+ Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo các năm 2001 và 2004.

+ Bằng lao động sáng tạo do Tổng liên đoàn lao động Việt Nam cấp năm 2017.

+ Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: 2009, 2020.

+ Giảng viên giỏi cấp cơ sở các năm học: 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021.

+ Bằng khen của Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam năm 2020.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Đạt
2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):
 - Tổng số: 12 năm.
 - Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015-2016				01	226	0	226/400/270
2	2016-2017				01	210	0	210/405/270
3	2017-2018					186	0	186/420/270
03 năm học cuối								
4	2018-2019			01		166	20	186/490/270
5	2019-2020		01	02		162	40	202/450/270
6	2020-2021		01	01		120	56	176/410/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ B2 số 6282/2016 do Đại học Thái Nguyên cấp ngày 31 tháng 8 năm 2016.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Vũ Đức Thảo		x	x		2018-2019	Học viện Quân y	12/12/2020
2	Đỗ Thị Thùy Dung		x	x		2019-2020	Học viện Quân y	18/12/2020
3	Nguyễn Chí Quang		x		x	2019-2020	Học viện Quân y	18/12/2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang ...)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Nấm <i>Cryptococcus neoformans</i> : sinh học, bệnh học, chẩn đoán, điều trị	CK	NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2017	3	Nguyễn Trọng Chính và Nguyễn Duy Bắc	162 (Cùng biên soạn từ trang 1 đến 162)	
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Ký sinh trùng và Côn trùng Y học	GT	NXB Quân đội, 2017	7	Nguyễn Khắc Lực	41 (48-60; 83- 98; 149-156; 281-284)	

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử để phát hiện nhiễm nấm <i>Candida</i> sp.xác và <i>Cryp. neoformans</i> trong dịch não tủy	CN	2013.75.59, Bộ Quốc phòng	2013-2015	Nghiệm thu 22/6/2015; Khá
2	Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật nested-PCR phát hiện một số vi nấm nội tạng	CN	Đề tài nhánh đề tài cấp Nhà nước mã số KC10.32/11-15	2013-2015	Nghiệm thu 21/9/2015; Đạt
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
3	Xác định tỷ lệ nhiễm, thành phần loài nấm men phân lập từ đường sinh dục nữ bệnh nhân điều trị vô sinh tại Trung tâm công nghệ phôi Học viện Quân y	CN	Cơ sở	2017-2018	Nghiệm thu 28/12/2018; Xuất sắc
4	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử để chẩn đoán một số vi nấm gây bệnh nội tạng ở người	TK	KC10.32/11-15; Nhà nước	2013-2015	Nghiệm thu 15/01/2016; Khá
5	Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học bệnh sán lá gan nhỏ tại huyện Yên Khánh, Kim Sơn tỉnh Ninh Bình năm 2016 và đề xuất biện pháp phòng chống	TG	Sở KHCN Ninh Bình	2015-2016	Nghiệm thu 23/3/2017; Xuất sắc
6	Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật Nested Multiplex realtime - PCR phát hiện một số căn nguyên vi khuẩn và vi nấm gây viêm màng não thường gặp ở khu vực Thành phố Hà Nội.	TK	01C-08/05-2016 Tp. Hà Nội	2016-2018	Nghiệm thu 17/7/2018; Xuất sắc
7	Nghiên cứu đặc điểm sinh học, lâm sàng, cận lâm sàng, các yếu tố liên quan và đánh giá kết quả điều trị nhiễm nấm trên bệnh nhân bỏng	TK	Bộ Quốc phòng	2017-2019	Nghiệm thu 16/3/2020; Xuất sắc

8	Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ, thành phần loài và tình trạng kháng thuốc của nấm <i>Candida</i> gây viêm sinh dục ở phụ nữ tuổi sinh đẻ tại một số bệnh viện Hà Nội; Đề xuất các giải pháp dự phòng và điều trị.	CN	01C-08/01-2019 Thành phố Hà Nội	2019 - 2021	Chưa nghiệm thu
---	--	----	------------------------------------	-------------	-----------------

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
I Các bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế								
1.1 Trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ: không								
1.2 Sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ								
1	Distribution of species of dermatophyte among patients at a dermatology centre of Nghean province, Vietnam, 2015–2016	4	X	Mycopathologia	ISI/Scopus (IF = 2.452; Q1)	8	182(11-12): 1061-1067	2017
2	Case report: the first case of human infection by adult of <i>S. erinaceieuropaei</i> in Vietnam	5		BMC infectious diseases	ISI/Scopus (IF = 2.688; Q1)	9	17 (1): 669	2017
3	Identification of Fasciola Species Isolates from Nghe An Province, Vietnam, Based on ITS1 Sequence of Ribosomal DNA Using a Simple PCR-RFLP Method	9	X	Journal of parasitology research	ISI/Scopus (SJR 2019 = 0.63; Q3)	2	Volume 2018, Article ID 2958026	2018
4	Case Report: A Case of Chromoblastomycosis Caused by <i>Fonsecaea pedrosoi</i> in Vietnam	5		Mycopathologia	ISI/Scopus (IF = 2.452; Q1)	6	184(1): 115-119	2019

5	Prevalence, Species Distribution, and Related Factors of Fish-Borne Trematode Infection in Ninh Binh Province, Vietnam	10		BioMed Research International	ISI/Scopus (IF = 2.583; Q2)	3	Volume 2019, Article ID 8581379	2019
6	Dirofilariasis in Vietnam: A case report and brief review	4		Tropical Biomedicine	ISI/Scopus (IF = 0.51; Q4)	2	36(2): 475–481	2019
7	Prevalence of <i>Candida</i> bloodstream isolates from patients in two hospitals in Vietnam	11	X	Iranian Journal of Microbiology	ISI/Scopus (IF = 1.15; Q3)	8	11(2): 108–113	2019
8	Infection of burn wound by <i>Aspergillus fumigatus</i> with gross appearance of fungal colonies	6		Medical Mycology Case Reports	ISI/Scopus (IF = 1.47; Q3)	5	24(2019): 30–32	2019
9	Prevalence of <i>Candida</i> species isolated from vaginal discharge of women undergoing in vitro fertilization embryo transfer in Vietnam	7	X	Biomedical Journal of Scientific & Technical Research	IF = 0.548	3	14(5): 1–4	2019
10	Prevalence and capsular type distribution of group B <i>Streptococcus</i> isolated from vagina of pregnant women in Nghean province, Vietnam	8	X	Iranian Journal of Microbiology	ISI/Scopus (IF = 1.15; Q3)	2	12(1): 11–17	2020
11	Epidemiological characterization of pityriasis versicolor and distribution of <i>Malassezia</i> species among students in Hai Phong city, Vietnam	15	X	Current Medical Mycology	Scopus (Q3)	-	6(2): 11–17	2020
12	Prevalence, species distribution, and risk factors of fungal colonization and infection in patients at a burn intensive care unit in Vietnam	10		Current Medical Mycology	Scopus (Q3)	-	6(3): 42–49	2020

13	Fish-borne trematode metacercariae detected in fish commonly used for raw consumption in Ninh Binh Province, Vietnam	9		Tropical Biomedicine	ISI/Scopus (IF = 0.51; Q4)	-	37(2): 443-451	2020
14	A Rare Case of Fungal Burn Wound Infection Caused by <i>Fusarium solani</i> in Vietnam	7		Journal of Investigative Medicine High Impact Case Reports	ISI/Scopus (IF = 1.47; Q3)	1	8(2020): 1-4	2020
15	Prevalence, species distribution and antifungal susceptibility of <i>C. albicans</i> causing vaginal discharge among symptomatic non-pregnant women of reproductive age at a tertiary care hospital, Vietnam	15	X	BMC Infectious Diseases	ISI/Scopus (IF = 2,688; Q1)	-	(2021) 21:523	2021
16	A rare <i>Fusarium equiseti</i> infection in a 53-year-old male with burn injury: A case report	6		Current Medical Mycology	Scopus (Q3)	-	7(1): 59-62	2021
17	Species Distribution and Antifungal Susceptibility Pattern of <i>Candida</i> Recovered from Intensive Care Unit Patients, Vietnam National Hospital of Burn (2017-2019)	10		Mycopathologia	ISI/Scopus (IF = 2.452; Q1)	-		2021
II Các bài báo trong nước								
2.1 Trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ								
1	Nghiên cứu cảm giác phân biệt 2 điểm trên da ở bệnh nhân đái tháo đường týp 2	8		Nội tiết và các rối loạn chuyển hóa			12(2005): 19-26	2005
2	Đánh giá thực trạng nhiễm giun kim ở trẻ em và hiệu quả điều trị bằng Mebendazole kết hợp với vệ sinh môi trường tại một số trường mầm non	3	X	Tạp chí Y học Quân sự			CĐ1(2009): 103-108	2009

3	Chẩn đoán bệnh do ký sinh trùng và nấm tại Bệnh viện 103, năm 2019	5		Tạp chí Y dược học Quân sự			4(2010): 115-120	2010
4	Xác định <i>Listeria monocytogenes</i> trong thực phẩm bằng phương pháp nuôi cấy phân lập và nested PCR	5	X	Tạp chí Y dược học Quân sự			6(2010): 44-52	2010
5	Đánh giá hiểu biết về các bệnh lây truyền qua đường tình dục của công nhân khu công nghiệp Khai Quang (Vĩnh Phúc)	3	X	Tạp chí Y dược học Quân sự			8(2010): 24-30	2010
6	Xác định tình trạng nhiễm mầm bệnh ký sinh trùng trên rau quả trồng ở ngoại thành Hà Nội	4		Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng			1(2010): 65-70	2010
7	Xác định loài sán lá gan lớn gây bệnh ở bò khu vực Miền Trung và Tây Nguyên (Việt Nam) bằng chỉ thị phân tử gen ty thể <i>cox1</i>	5	X	Tạp chí Y dược học Quân sự			2(2011): 96-101	2011
8	Tác động của dung dịch nước muối đến sự phát triển của trứng giun móc/mỏ và rau ăn sống	4		Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng			2(2011): 81-86	2011
9	Ứng dụng kỹ thuật phản ứng chuỗi polymerase phát hiện nấm <i>Candida</i> spp. gây bệnh ở người	5	X	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng			4(2011): 88-94	2011
10	Khảo sát tình trạng nhiễm virus viêm gan B ở một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc	5		Tạp chí Y dược học Quân sự			5(2011): 60-64	2011
11	Xác định tình trạng nhiễm sán lá gan lớn ở trâu/bò và một số yếu tố nguy cơ lây truyền sang người tại huyện Đại Lộc – Quảng Nam	3		Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng			3(2011): 76-82	2011

12	Phát hiện một trường hợp bông nặng nhiễm nấm máu hiếm gặp <i>C. guiliermondii</i> bằng kỹ thuật PCR	5	X	Tạp chí y học thăm hóa và bông			4(2011): 53-57	2011
13	Khảo sát thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực phục vụ công tác kế hoạch hóa gia đình tại tuyến y tế xã/phường năm 2010	4		Tạp chí Y dược học Quân sự			1(2012): 72-78	2012
14	Đặc điểm hình thái của sán lá gan lớn thu thập ở bò tại một số tỉnh phía Bắc - Việt Nam	4	X	Tạp chí Y dược học Quân sự			9(2012): 58-65	2012
15	Thông báo ca viêm não – màng não do nấm <i>P. marneffei</i> trên bệnh nhân không nhiễm HIV/AIDS	5		Tạp chí Y dược học Quân sự			8(2012): 74-79	2012
16	Xác định loài sán lá gan lớn gây bệnh ở bò và ở người khu vực miền Bắc (Việt Nam) bằng hình thái học và sinh học phân tử	2	X	Tạp chí Y dược học Quân sự			37 (Số chuyên đề): 122-129	2012
17	Đánh giá sự hiểu biết về các bệnh giun sán của học sinh trung học cơ sở xã Mường Lạn – Sơn La	2		Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng			1(2013): 41-46	2013
18	Ứng dụng kỹ thuật PCR-RFLP phát hiện nấm <i>C. neoformans</i> gây bệnh ở người	5	X	Tạp chí Y học Việt Nam			1(2013): 79-85	2013
19	Ứng dụng kỹ thuật PCR-RFLP để xác định thành phần loài nấm men phân lập ở đường sinh dục	6	X	Tạp chí Y dược học Quân sự			2(2014): 34-38	2014
20	Nghiên cứu phát hiện nấm <i>Cryptococcus neoformans</i> bằng kỹ thuật nested-PCR	6	X	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng			3(2014): 75-80	2014
21	Đặc điểm nhiễm nấm ở bệnh nhân đến khám và điều trị tại Bệnh viện Quân y 103 (2009-2013)	3		Tạp chí Y dược học Quân sự			9(2014): 76-81	2014

22	Xác định loài một số nấm men phân lập từ người bằng kỹ thuật PCR-RFLP	2	X	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng			Số chuyên đề (2014): 93-100	2014
23	Khảo sát kiến thức, thái độ và thực hành của bệnh nhân tăng huyết áp khu vực nông thôn tại Hà Nội và Vĩnh Phúc năm 2014	3	X	Tạp chí Y dược học Quân sự			40(4): 35-41	2015
24	Nghiên cứu thiết lập kỹ thuật seminested PCR phát hiện nấm <i>Candida albicans</i>	4	X	Tạp chí Y dược học Quân sự			40(6): 27-34	2015
25	Thông báo một trường hợp bệnh nhiễm ấu trùng sán <i>Spirometra</i> ở tổ chức dưới da	5		Kỷ yếu Hội nghị KST toàn quốc lần thứ 42, tháng 4/2015			187-191	2015
26	Thực trạng khả năng chi trả điều trị của bệnh nhân tăng huyết áp tại cộng đồng nông thôn Hà Nội và Vĩnh Phúc năm 2014	2		Tạp chí Y học thực hành			976(9): 41-45	2015
27	Xác định thành phần loài nấm men phân lập từ máu người bằng kỹ thuật PCR-RFLP	4	X	Tạp chí Y dược lâm sàng 108			10(2015): 51-56	2015
28	Identification of animal Fasciola isolates in Vietnam based on ITS-2 ribosomal DNA by PCR-RFLP assay	5	X	Vietnam journal of Medicine and Pharmacy			11(2): 21-27	2016
29	Đặc điểm một số chỉ số hình thái của sán lá gan lớn thu thập ở Việt Nam	6	X	Tạp chí Y học Việt Nam			446 (1/9): 5-9	2016
30	So sánh hình thái của sán lá gan lớn trưởng thành thu thập ở trâu và bò tại Việt Nam	5	X	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng			93 (4): 78-83	2016
31	Xác định loài sán lá gan lớn thu thập từ động vật tại Việt Nam bằng kỹ thuật PCR-RFLP dựa trên chỉ thị gen ty thể Cox-1 và gen nhân ITS2	9	X	Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng			93 (4): 23-30	2016

32	Xây dựng mô hình bệnh do <i>Cryptococcus neoformans</i> trên chuột nhắt trắng để đánh giá hiệu quả thuốc chống nấm invivo	3		Kỷ yếu Hội nghị Ký sinh trùng học toàn quốc lần thứ 43, 4/2016			1-8	2016
33	Hoàn thiện quy trình phát hiện bất thường nhiễm sắc thể trước chuyển phôi bằng kỹ thuật Fish	6		Tạp chí Y dược học Quân sự			41(3): 53-59	2016
34	Giá trị của kỹ thuật Nested multiplex PCR trong phát hiện nhiễm nấm <i>C. neoformans</i> và <i>C. albicans</i> ở dịch não tủy	4		Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng			97 (1): 3-8	2017
35	Giám định phân tử một số chủng vi nấm phân lập từ dược liệu thu thập tại một số bệnh viện trên địa bàn tỉnh Nghệ An, năm 2017	5	X	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108			12(2017): 412-417	2017
36	Đặc điểm kiến thức, thái độ, thực hành ăn gỏi cá của người dân hai huyện Kim Sơn, Yên Khánh tỉnh Ninh Bình (năm 2016)	4		Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng			97 (1): 95-98	2017
37	Một số hiểu biết về nhiễm sán lá gan nhỏ của người dân hai huyện Kim Sơn và Yên Khánh tỉnh Ninh Bình (2016)	3		Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng			99 (3): 75-82	2017
38	Ứng dụng kỹ thuật khuếch đại gen lồng (nested-PCR) phát hiện <i>Cryptococcus neoformans</i> trong dịch não tủy nhiễm giả định	4		Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng			101 (5): 91-97	2017
39	Đánh giá hiệu quả của kỹ thuật nested-PCR phát hiện nấm <i>Cryp. neoformans</i> trong dịch não tủy	8		Tạp chí Truyền nhiễm Việt Nam			2(18): 13-17	2017

40	Nghiên cứu đặc điểm kiến thức và thực hành phòng, chống bệnh giun sán của người dân 2 huyện Yên Khánh và Ninh Bình năm 2016	4		Tạp chí Truyền nhiễm Việt Nam			4(20): 65-68	2017
41	Xây dựng quy trình kỹ thuật khuếch đại gen lồng đa môi phát hiện hai nấm <i>Cryptococcus neoformans</i> và <i>Candida albicans</i>	3		Tạp chí Y học dự phòng			27 (2): 75-82	2017
42	Thực trạng nhiễm nấm gây lang ben ở học sinh trường THCS Vĩnh Niệm – Hải Phòng	4		Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng			101 (5): 61-66	2017
43	Tỷ lệ nhiễm nấm ở miệng bệnh nhân ung thư điều trị tại Bệnh viện 103 và Bệnh viện Thống Nhất, năm 2015-2017	6		Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng			101 (5): 67-72	2017
44	Xác định thành phần loài <i>Candida</i> phân lập từ miệng bệnh nhân ung thư điều trị tại Bệnh viện 103 năm 2015-2016	6		Tạp chí Y học dự phòng			27 (11): 357-364	2017
45	Giá trị của kỹ thuật nested multiplex PCR trong phát hiện nhiễm nấm <i>Cryptococcus neoformans</i> và <i>Candida albicans</i> ở dịch não tủy	4		Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng			97 (1): 3-8	2017
2.2 Sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ								
46	Hiệu quả can thiệp điều trị bằng thuốc bôi ketoconazole và truyền thông giáo dục sức khỏe bệnh lang ben tại Hải Phòng năm 2016-2017	4		Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng			103 (1): 64-71	2018

47	Ứng dụng kỹ thuật khuếch đại gen lồng đa môi thời gian thực sử dụng SYBR Green I phát hiện hai nấm men <i>Cryptococcus neoformans</i> và <i>Candida albicans</i>	6		Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng			103 (1): 88-91	2018
48	Đặc điểm nhiễm nang ấu trùng sán lá gan nhỏ trên một số loài cá thường được sử dụng ăn gỏi tại huyện Yên Khánh và Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình (2016-2017)	5		Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng			105 (3): 57-61	2018
49	Nghiên cứu một số đặc điểm phân bố và tập tính của muỗi <i>Aedes aegypti</i> và <i>Aedes albopictus</i> tại thành phố Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk, năm 2017	8		Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng			105 (3): 88-93	2018
50	Nghiên cứu thực trạng vệ sinh môi trường tại hai huyện Yên Khánh và Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình năm 2016	4		Tạp chí Y dược học Quân sự			43(7): 5-10	2018
51	Nghiên cứu thành phần loài vi nấm gây viêm màng não ở một số bệnh viện (2013-2017)	9		Tạp chí Y học Việt Nam			468(2/7): 162-166	2018
52	Thực trạng nhiễm nấm <i>Malassezia</i> sp. gây lang ben và một số yếu tố liên quan ở học sinh lứa tuổi 11-15 tại hai trường trung học cơ sở của Tp. Hải Phòng năm 2017	6		Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng			105 (3): 50-56	2018
53	Tỷ lệ nhiễm nấm ở miệng và các yếu tố liên quan trên bệnh nhân ung thư điều trị tại BV 103 và BV Thống Nhất năm 2015-2017	5		Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng			105 (3): 62-68	2018

54	Xác định mật độ và các chi nấm sợi trong không khí khu vực Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh (2018-2019)	8		Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng			111 (3): 82-86	2019
55	Xác định tỷ lệ nhiễm và thành phần loài nấm sinh dục ở nữ bệnh nhân điều trị vô sinh tại Viện mô phôi lâm sàng Quân đội (2017)	6		Tạp chí phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng			115 (1): 77-83	2020
56	Một số đặc điểm dịch tễ học viêm sinh dục do nấm <i>Candida</i> ở phụ nữ độ tuổi sinh đẻ tại Bệnh viện Quân y 103 năm 2019-2020	5	X	Tạp chí Y học dự phòng			30 (6): 113-120	2020
57	Nghiên cứu xác định loài sán lá gan lớn thu thập ở trâu và bò tại một số tỉnh miền Bắc (Việt Nam) bằng kỹ thuật PCR-RFLP	2	X	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108			15(7): 155-161	2020
58	Ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử xác định các kiểu huyết thanh của liên cầu tan huyết nhóm B phân lập từ đường sinh dục phụ nữ mang thai	3		Tạp chí truyền nhiễm Việt Nam			33 (1): 65-69	2021
59	Xác định tỷ lệ viêm âm đạo do nấm và phân tích tình trạng kháng thuốc của nấm <i>Candida albicans</i> ở phụ nữ tuổi sinh đẻ tại Hà Nội (2019-2020)	1	X	Tạp chí Y dược học Quân sự			46 (4): 32-39	2021
60	Xác định các loài thuộc phức hợp nấm <i>Candida glabrata</i> thu thập từ nữ bệnh nhân viêm sinh dục trên địa bàn Tp. Hà Nội	7	X	Tạp chí Y học Tp. Hồ Chí Minh			25 (2): 31-35	2021
61	Một số đặc điểm dịch tễ học nhiễm nấm huyết ở bệnh nhân bỏng điều trị tại khoa Hồi sức cấp cứu Bệnh viện Bỏng Quốc gia, 2017-2019	4		Tạp chí Y học Tp. Hồ Chí Minh			25 (2): 36-40	2021

62	Đặc điểm phân tử đoạn giao gen ITS1 thuộc hệ gen nhân của sán lá gan lớn ở Việt Nam	1	X	Tạp chí Y dược lâm sàng 108			16 (3): 131-139	2021
63	Thiết lập kỹ thuật nested-PCR phát hiện gen <i>Hpc100</i> chẩn đoán nhiễm nấm <i>H. capsulatum</i>	11	X	Tạp chí Y học dự phòng			31 (3): 33-44	2021
64	Distribution and molecular characterization of <i>Malassezia</i> species isolated from students with pityriasis versicolor in Haiphong City, 2016 - 2017	2	X	Tạp chí Y học dự phòng			31 (4): 37-42	2021

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 0

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*): Không

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): 0

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế: Không

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học thay thế: Không

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đỗ Ngọc Ánh